

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HS-ST

Ngày: 14-11-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tiền.

Ông Nguyễn Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Cao Duyệt Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Quang V, sinh năm 1999; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: 101/TQ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn H và bà Hồ Thị Bé Ú; Bị cáo chưa có vợ và con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Bùi Quốc V1 - Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (Có mặt)

*** Bị hại:**

Trần Phú C, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ngô Thị Trúc L, sinh năm 1996; (Vắng mặt)

Nơi thường trú: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Nơi ở hiện tại: 90, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Người làm chứng:*

+ Lữ Trường K, sinh năm 1990; (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Lê Văn Q, sinh năm 1967; (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: B, B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có tiền nhưng muốn có điện thoại mới để sử dụng nên vào ngày 19/5/2024, Trần Quang V sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo A57 của V vào trang Facebook cá nhân tên “Tran Phu Cuong” của anh Trần Phú C (là chủ cửa hàng điện thoại di động K) giả vờ hỏi mua điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax thì được báo giá 02 loại gồm: Iphone 12 Promax 128G với giá hơn 13.000.000 đồng và Iphone 12 Promax 256G với giá 14.900.000 đồng. Sau khi được anh C cho xem mẫu thì V chọn điện thoại Iphone 12 Promax 256G màu xanh đen với giá 14.900.000 đồng. Để thực hiện ý định chiếm đoạt tài sản, khoảng 14 giờ ngày 22/5/2024, trong khi đang làm việc tại phòng mẫu Puma của Công ty A, V nhắn tin qua M và yêu cầu anh C giao điện thoại Iphone 12 Promax 256G tại nhà xe ô tô của công ty A, khu công nghiệp G thuộc ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre và hứa sẽ trả tiền mặt khi nhận được điện thoại thì anh C đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, chị Nguyễn Thị Trúc L1 là nhân viên giao hàng của cửa hàng K1 đi giao hàng gọi điện thoại cho V thì V gửi vị trí giao hàng tại nhà xe ô tô của công ty. Khoảng 05 phút sau, L1 đến điểm hẹn nhưng không thấy V nên gọi lại thì V đổi địa điểm nhận hàng là ở hàng rào khu vực kho rác Công ty A1 cách vị trí ban đầu khoảng 100 mét do V thấy có bảo vệ đi tuần tra nên sợ bị phát hiện. Một lúc sau, L1 chạy đến thì thấy V đứng đợi, L1 đưa điện thoại cho V kiểm tra, V nói với L1 để V chuyển khoản nên L1 đưa số tài khoản ngân hàng A2 của L1 cho V. Do không có tiền trong tài khoản nên V nói dối là hệ thống ngân hàng bị lỗi và nói với L1 là sau 20 giờ 30 phút cùng ngày V sẽ đem tiền mặt đến trả cho anh C thì L1 không đồng ý nên gọi điện thoại báo cho anh C biết. Lúc này, V chiếm đoạt điện thoại rồi bỏ đi vào công ty. Biết mình bị lừa, L1 đến trình báo cho bảo vệ và Công an xã A, Công an mời V về trụ sở làm việc, qua làm việc V thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 256G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57 màu trắng của Trần Quang V.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1105/KL-HĐĐG ngày 28/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 256G màu xanh đen có trị giá là 14.900.000 đồng.

Cáo trạng số: 81/CT-VKSCT ngày 02/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trần Quang V về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trần Quang V phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Quang V từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Xử lý vật chứng:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bị hại Trần Phú C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 256G.

+ Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57 của Trần Quang V.

Tại tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính bộc phát nhất thời, bị cáo đã ăn năn, hối cải. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là Trần Ngọc V2 được chứng nhận Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì và đang hưởng chế độ thương binh $\frac{3}{4}$ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo chấp hành tốt lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông nội là người cao tuổi, mẹ bệnh tim, không có thu nhập, 02 em của bị cáo sống phụ thuộc vào thu nhập của gia đình, cha bị cáo thu nhập không cao. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và không nhất thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo. Theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về vị trí, thời gian, diễn biến hành vi và đặc điểm tài sản bị cáo chiếm đoạt, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Mặc dù bản thân không có tiền để thanh toán nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, vào khoảng 18 giờ ngày 22/5/2024, tại khu vực hàng rào kho rác Công ty A, khu công nghiệp G, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, Trần Quang V đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 256G của anh Trần Phú C trị giá 14.900.000 đồng.

[3] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Lợi dụng sự tin tưởng của người bán hàng là bị hại C, mặc dù ngay từ đầu V đã biết rõ bản thân không có tiền mua điện thoại nhưng V vẫn cố tình hỏi mua điện thoại của bị hại nhằm chiếm đoạt để sử dụng, để

thực hiện ý định V đã đưa ra thông tin gian dối rằng bản thân có tiền thanh toán để bị hại C tin là thật và giao tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 256G cho V. Tại tòa, V thừa nhận ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại hình thành từ trước khi bị cáo V nhận được tài sản của bị hại do chị L1 giao cho. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 14.900.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Quang V phạm “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo có ông nội là Trần Ngọc V2 được chứng nhận Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; có ông là Trần Văn T được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bằng Tổ quốc ghi công. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

[8] *Xử lý vật chứng*:

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 256G là tài sản của bị hại Trần Phú C, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại tài sản cho bị hại Trần Phú C là phù hợp nên ghi nhận.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57 là tài sản của Trần Quang V dùng làm phương tiện liên lạc để đặt mua điện thoại của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, do đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

[9] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Quang V** phạm “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[1] *Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*:

Xử phạt bị cáo Trần Quang V 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là **02 (hai) năm**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/11/2024).

Giao bị cáo Trần Quang V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] *Trách nhiệm dân sự*: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[3] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*:

Xử lý vật chứng:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bị hại Trần Phú C: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 256G.

+ Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A57 màu trắng đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre)

[4] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban*

Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Quang V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKSND T. Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an T. Bến Tre;
- Sở Tư pháp T. Bến Tre;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Công an H. Châu Thành;
- Bộ phận HS Công an H. Châu Thành;
- UBND xã Tân Mỹ, H. Ba Tri;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Triều